

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
Bản án số: 42 /2024/HNGĐ-ST
Ngày 30 /05 /2024
"V/v Ly hôn".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Xuyên

Hội thẩm nhân dân:

[1]. Ông Trần Đức Hoà.

[2]. Bà Lê Thị Thận.

Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Chang - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bùi Đăng, tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bùi Đăng, tỉnh Bình Phước: Ông Lê Hồng Toàn - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 05 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bùi Đăng, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, thụ lý số: 85/ TLST – HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2024, về việc " Yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng ", Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:85/2024/QĐST – HNGĐ, ngày 20 tháng 05 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Mai Th Th , sinh năm: 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 10, xã q , huyện Đ L , tỉnh Đắk Nông

Hiện trú tại: Thôn 3, xã M, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước

Bị đơn: Anh Nguyễn V B , sinh năm: 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ , xã Đ , huyện Đ H, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 26/04/2024 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Mai Th Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Nguyễn V B tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1999 nhưng không có đăng ký kết hôn do không hiểu biết pháp luật . Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bất đồng tình cảm, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên hai vợ chồng đã không còn chung sống với nhau hơn 10 năm nay. Hiện nay, vợ chồng không còn quan tâm tới nhau nữa, mạnh ai nấy sống, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, nay tôi làm đơn này đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa tôi và anh Bình để chúng tôi ổn định cuộc sống.

Về con chung: Tôi và anh Nguyễn V B có 01 người con chung họ tên là Nguyễn Thị Th L , sinh năm 2000. Hiện nay, cháu đã có gia đình và đang sinh sống ở Đăk Nông. Con đã thành niên nên tôi không yêu cầu Toà án giải quyết về việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn V B xin Tòa án giải quyết vắng mặt, qua lời khai trình bày nội dung:

Trước đây tôi có sinh sống tại thôn 1, xã Thống Nhất, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước nhưng hiện nay đã chuyển về sinh sống tại Thôn Đông Thượng Liệt, xã Đông Tân, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, anh đồng ý giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, vì hoàn cảnh ở xa nên anh xin xét xử vắng mặt.

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và cô Mai Th Th tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1999 nhưng không có đăng ký kết hôn do không hiểu biết pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bất đồng tình cảm, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên hai vợ chồng đã không còn chung sống với nhau hơn 10 năm nay. Hiện nay, cô Thuý yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng với anh thì anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung họ tên là Nguyễn Thị Th L , sinh năm 2000. Hiện nay, cháu đã có gia đình và đang sinh sống ở Đăk Nông. Con đã thành niên nên anh không có ý kiến gì.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa, phát biểu quan điểm khẳng định: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình chuẩn bị xét xử từ khi thụ lý đến nay là đúng. Tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tố tụng của các đương sự theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định.

[2]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Mai Th Th có không có đăng ký kết hôn với anh Nguyễn V B , nay chị Thuý yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Bình, vì vậy quan hệ pháp luật là “ Tranh chấp thuộc lĩnh vực hôn nhân gia đình”, theo Khoản 8, Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn V B đồng ý giải quyết vụ án tại TAND huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, căn cứ vào Điểm a, Khoản 1, Điều 35; Điểm b, Khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

[3]. Xét về quan hệ hôn nhân thấy rằng: chị Mai Th Th và anh Nguyễn V B tự nguyện chung sống từ năm 1999 nhưng không có đăng ký kết hôn, quá trình sống chung thì vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, không thể sống chung với nhau được nữa và đã sống ly thân hơn 10 năm nay, các bên đều thừa nhận là đúng, nay chị Thuý đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Nguyễn V B .

Vì vậy Căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật HNGĐ, căn cứ điểm b mục 03 NQ 35/ QH của Quốc Hội, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn V B và chị Mai Th Th .

[4]. Về con chung: Nguyễn Thị Th L , sinh năm 2000 đã thành niên , không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6]. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Mai Th Th nộp 300.000đ theo luật định, tuy nhiên khấu trừ vào số tiền đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009171 ngày 08 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật HNGĐ, điểm b mục 3 Nghị Quyết số 35/ QH của Quốc Hội.

- Căn cứ vào khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm b, khoản 1 Điều 39 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Toà án.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Mai Th Th với anh Nguyễn V B .

[3]. Về con chung: Nguyễn Thị Th L , sinh năm 2000 đã thành niên , không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4]. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Mai Th Th nộp 300.000đ theo luật định, tuy nhiên khấu trừ vào số tiền đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009171 ngày 08 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước (Đã nộp xong).

Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND H. Bù Đăng;
- Chi cục THADS H. Bù Đăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Xuyên

